



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUẢNG NINH**

Số: *178*.../CQN-TK

V/v công bố thông tin báo cáo thường niên 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức : Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh
Mã chứng khoán : CQN
Địa chỉ trụ sở chính : Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long,
tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại : 02036 283288
Website : www.quangninhport.com.vn
Người thực hiện công bố thông tin : Ông Hoàng Trọng Tùng
Loại công bố thông tin: Định kỳ

1. Nội dung thông tin công bố:

Cảng Quảng Ninh công bố thông tin báo cáo thường niên 2022 (*Báo cáo thường niên 2022 kèm theo*).

2. Thông tin nói trên được Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh công bố trên website của Công ty: www.quangninhport.com.vn vào ngày 13/4/2022.

Chúng tôi xin cam kết những thông tin nói trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng báo cáo./ *Hoàng Trọng Tùng*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH



Hoàng Trọng Tùng



Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh
Quảng Ninh

Số điện thoại: (84-02036) 283288

Website: <http://quangninhport.com.vn>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022



Quảng Ninh, ngày 13 tháng 04 năm 2023



I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CTCP CẢNG QUẢNG NINH	1
1. Thông tin khái quát	1
2. Quá trình hình thành và phát triển	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	2
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
• <i>Mô hình quản lý công ty</i>	4
• <i>Các công ty con, công ty liên kết:</i>	6
5. Định hướng phát triển	6
6. Các nhân tố rủi ro.....	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	10
1. Tình hình sản xuất kinh doanh.....	10
2. Tổ chức và nhân sự	11
2.1 <i>Danh sách HĐQT, BKS, Ban TGD, KTT</i>	11
2.2 <i>Sơ yếu lý lịch</i>	12
Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	12
3. Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán	16
4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động	18
5. Tình hình tài chính	20
5.1 <i>Tình hình tài chính</i>	20
5.2 <i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</i>	20
6. Cơ cấu cổ đông, những thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	21
6.1 <i>Cổ phần</i>	21
6.2 <i>Cơ cấu cổ đông</i>	21
6.3 <i>Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	22
6.4 <i>Giao dịch cổ phiếu quỹ</i>	22
6.5 <i>Các chứng khoán khác</i>	22
7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	22
7.1. <i>Tiêu thụ năng lượng</i>	22
7.2. <i>Tiêu thụ nước</i>	22
7.3. <i>Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường</i>	22
7.4. <i>Chính sách liên quan đến người lao động</i>	22
7.5. <i>Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng</i>	23
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	23
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.....	23
1.1 <i>Chỉ tiêu SXKD</i>	23

1.2	Chỉ tiêu tài chính.....	24
1.3	Kết quả công tác sửa chữa, đầu tư mua sắm thiết bị và XD CB.....	24
2.	Đánh giá	25
2.1.	Đánh giá hoạt động kinh doanh cảng biển	25
2.2.	Đánh giá hoạt động sản xuất	26
3.	Kế hoạch phát triển trong tương lai	27
3.1.	Mục tiêu.....	27
3.2.	Các chỉ tiêu hoạt động SXKD	28
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	30
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	30
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.....	31
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	31
V.	QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY:	32
1.	Hội đồng quản trị	32
2.	Ban kiểm soát.....	33
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	33
4.	Các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:.....	34
5.	Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ.....	34
6.	Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:.....	35
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY.....	35
1.	Ý kiến kiểm toán.....	35
2.	Báo cáo tài chính kiểm toán.....	35

370
 CÔNG TY
 QUẢN LÝ
 VÀ
 THƯƠNG MẠI

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CTCP CẢNG QUẢNG NINH

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/04/2008, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 10 năm 2021
- Vốn điều lệ: 750.499.360.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 750.499.360.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng*)
- Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Số điện thoại: (84-02036) 283288
- Số fax:
- Website: <http://quangninhport.com.vn>
- Mã cổ phiếu: CQN

2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 29/08/1977, Bộ Giao thông vận tải đã ra Quyết định số 2226/QĐ/TC thành lập Cảng Quảng Ninh và chuyển Ty Cảng vụ, Hoa tiêu Hồng Gai - Cẩm Phả trực thuộc Cục đường biển về Cảng Quảng Ninh quản lý. Trước đòi hỏi phải có sự chuyển đổi phù hợp về tổ chức bộ máy và cơ chế quản lý của ngành Hàng hải, ngày 06/4/1991, Bộ Giao thông Vận tải đã ra Quyết định tách bộ phận Cảng vụ thuộc Cảng Quảng Ninh ra thành lập Cảng vụ Quảng Ninh với nhiệm vụ quản lý nhà nước về chuyên ngành Hàng hải. Tiếp theo đó ngày 30/9/1991, Liên hiệp Hàng hải Việt Nam cũng có Quyết định tách bộ phận Hoa tiêu ra khỏi Cảng Quảng Ninh để thành lập Công ty Hoa tiêu khu vực III. Ngày 30/8/2007, Cảng Quảng Ninh được chuyển thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 2681/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện theo Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015, Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh đã tiến hành cổ phần hóa chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Ngày 23/5/2014, đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh tổ chức tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, số lượng cổ phần chào bán là 11.320.184 cổ phần. Số lượng cổ phần đấu giá thành công là 206.822 cổ phần, giá đấu bình quân là 11.001 đồng/cổ phần.

Ngày 20/6/2014, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ban hành quyết định số 310/QĐ-HHVN về việc điều chỉnh cơ cấu cổ phần phát hành của CTCP Cảng Quảng Ninh. Trong đó, cổ

phần nhà nước là 49.060.387 cổ phần - chiếm 98,02% vốn điều lệ; cổ phần bán ưu đãi cho người lao động là 707.037 cổ phần – chiếm 1,41% vốn điều lệ; cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường là 206.822 cổ phần – chiếm 0,41% vốn điều lệ.

Ngày 22/8/2014, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu với vốn điều lệ là 500.499.360.000 đồng.

Ngày 25/12/2014 Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo công văn số 7144/UBCK-QLPH.

Ngày 23/4/2015, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã ký hợp đồng chuyển nhượng 49.060.387 cổ phần sở hữu tại Cảng Quảng Ninh (chiếm 98,02%) cho Công ty cổ phần Tập đoàn T&T theo hình thức thỏa thuận trực tiếp, giá bán thỏa thuận là: 11.320 đồng/cổ phần.

Ngày 15/12/2016, Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 194/2016/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là CQN, số lượng chứng khoán đăng ký là 50.049.936 cổ phiếu.

Ngày 18/08/2020, cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh chính thức giao dịch trên sàn Upcom với giá tham chiếu là 12.200 đồng/cổ phiếu.

Năm 2020, Công ty hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 500.499.360.000 đồng lên 750.499.360.000 đồng thông qua hình thức chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 10 năm 2021, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
2	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
3	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
4	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
5	Bán buôn thực phẩm;	4632
6	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
7	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

9	Bán buôn tổng hợp	4690
10	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (loại trừ: Bán buôn thuốc trừ sâu, sang chai, đóng gói và các hóa chất khác theo danh mục nhà nước cấm)	4669
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13	Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa	5021
14	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: - Xếp dỡ, bảo quản hàng hóa; - Chuyển tải hàng hóa tại khu vực cảng (Không bao gồm ngành: Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không, mã ngành 52245)	5224 (Chính)
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tại đường thủy Chi tiết: Dịch vụ Hàng hải	5222
16	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
17	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa - Kinh doanh dịch vụ Logistics (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không)	5229
19	Đại lý du lịch	7911
20	Điều hành tua du lịch;	7912
21	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;	4659
23	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
24	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Đại lý bán lẻ xăng dầu	4730

⚡ **Hoạt động chính của công ty**

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa,
- Dịch vụ kho bãi,
- Dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa,
- Dịch vụ xuất nhập khẩu,
- Vận tải hàng hóa đa phương thức,
- Dịch vụ hàng hải,
- Kinh doanh nông sản.

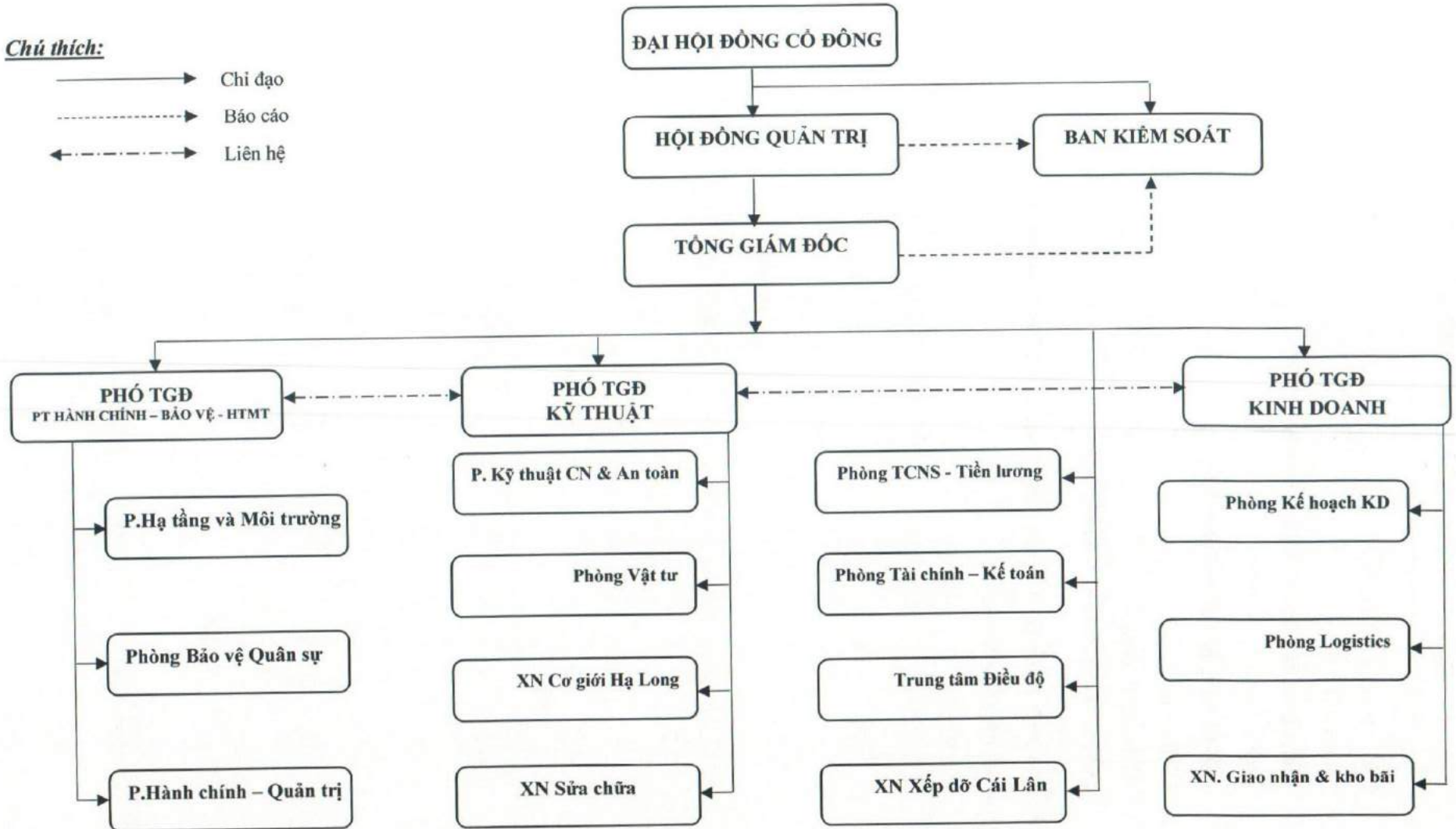
✦ *Địa bàn kinh doanh: Quảng Ninh*

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

✦ *Mô hình quản lý công ty*

Chú thích:

- Chi đạo
- - - Báo cáo
- ← - - - Liên hệ



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

⚡ Các công ty con, công ty liên kết:**- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty****❖ Công ty cổ phần Tập đoàn T&T**

- Trụ sở chính: Số 18 Phố Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Vốn điều lệ: 22.000.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ sở hữu tại Cảng Quảng Ninh: 77,77% vốn điều lệ

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ

Không có.

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

- Góp vốn vào Công ty cổ phần Vinalines Logistics: 1.000.000.000 đồng - chiếm 0,71%

- Góp vốn vào Công ty CP Vinalines Đông Bắc: 2.207.213.772 đồng – chiếm 23,53%

- Góp vốn vào công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân. Năm 2007 công ty bắt đầu đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (CPI) theo quyết định số 587/QĐ-CQN ngày 25/10/2007 của Giám đốc Cảng Quảng Ninh. Tại thời điểm 31/12/2018 vốn góp đầu tư vào CPI là 29.709.990.000 đồng, trong đó vốn góp của CBCNV Cảng là 5.159.390.000 đồng, vốn đầu tư trực tiếp của Cảng là 24.550.600.000 đồng – chiếm 8,14%.

- Góp vốn vào Ngân hàng TMCP Hàng hải với vốn góp: 1.015.739.351 đồng – chiếm 0,01%.

- Góp vốn vào Tổng công ty Rau quả Nông sản – Công ty CP với giá trị vốn góp 374.860.710.000 đồng - chiếm 12,25%.

- Góp vốn vào Quỹ Đầu tư tăng trưởng BVIM với giá trị vốn góp 100.000.000.000 đồng – chiếm 33,33%.

5. Định hướng phát triển

Nằm ở trung tâm Vịnh Bắc Bộ, Cảng Quảng Ninh được xem là cửa ngõ ra biển Đông của khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, các nước có biên giới giáp phía Tây Bắc nước ta. Cảng Quảng Ninh còn có lợi thế nằm gần Trung Quốc – một đối tác lớn trong hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu.

Trong nhiều năm liền, Cảng Quảng Ninh luôn là một trong những cảng dẫn đầu cả nước về sản lượng hàng hóa thông qua, xác lập và giữ vai trò là cảng quan trọng của hoạt động giao thương phía Bắc, là cửa ngõ giao thông lớn của đất nước.

Trong hệ thống cảng biển Việt Nam, Cảng Quảng Ninh được đánh giá là một trong những cảng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển. Bên cạnh đó, Cảng Quảng Ninh còn được khách hàng tín nhiệm bởi cách thức làm việc linh hoạt, trách nhiệm và chuyên nghiệp. Từ nhiều năm qua Cảng luôn được các chủ hàng, chủ tàu trong nước và quốc tế biết đến với năng suất, chất lượng cao, giải phóng tàu nhanh. Đó cũng chính là những yếu tố giúp Cảng nâng cao được khả năng cạnh tranh trên thị trường, khẳng định thương hiệu và giữ vững tốc độ tăng trưởng hàng năm.

Với định hướng phát triển Cảng Quảng Ninh trở thành một cảng biển lớn, quy mô, hiện đại nhất Việt Nam và mang tầm khu vực, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Quảng Ninh nói riêng và Việt Nam nói chung; đồng thời mang lại nhiều việc làm cho người lao động, lợi ích kinh tế cho các cổ đông. Cảng Quảng Ninh đang tiến hành thu tư vấn trong và ngoài nước đưa ra quy hoạch tổng thể, tầm nhìn chiến lược phát triển ngắn, trung và dài hạn. Với định hướng và kế hoạch như trên sẽ tạo cơ hội lớn cho sự phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm tới.

a) Trong hoạt động kinh doanh

- Lấy ngành hàng thức ăn chăn nuôi (TĂCN) làm trọng tâm trong hoạt động kinh doanh.
- Tập trung nâng cao chất lượng làm hàng dăm gỗ, hàng viên gỗ nén.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị trên các lĩnh vực chính bao gồm: Quản trị chiến lược, tài chính, nhân lực, sản xuất, marketing.
- Đa dạng hóa các ngành hàng, thu hút thêm các khách hàng ở các ngành hàng có sẵn, tỉ suất lợi nhuận cao nhằm khai thác tối đa các vị trí cầu bến hiện nay.
- Mở rộng các dịch vụ Logistics Cảng đang cung cấp như vận tải đường dài (ô tô – sà lan), lưu kho bãi, thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa ... nhằm thiết lập gói dịch vụ chuỗi khép kín.
- Tiếp tục đầu tư trang thiết bị hiện đại, cơ sở hạ tầng, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, áp dụng hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến trong quản lý và khai thác cảng, hướng tới mục tiêu trở thành cảng quốc tế chuyên nghiệp và hiện đại.
- Tận dụng tối đa nguồn lực và lợi thế nhằm tăng lợi nhuận, mở rộng phạm vi kinh doanh, phát triển các ngành nghề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh như: Hợp tác với các đối tác chiến lược tiến hành nghiên cứu khả thi của dự án liên doanh đầu tư, phát triển cảng ra khu vực.
- Chú trọng phát triển mối quan hệ với các khách hàng chiến lược: Các nhà cung cấp, các hãng tàu, đại lý hàng hải,...đẩy mạnh công tác marketing và chăm sóc khách hàng nhằm thu hút tàu cũng như mặt hàng mới về Cảng.
- Tổ chức bộ máy kinh doanh chuyên nghiệp, chuẩn hóa các quy trình bán hàng, quy trình chăm sóc khách hàng, đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên kinh doanh đáp ứng yêu cầu trong các hoạt động bán hàng.
- Lấy chỉ tiêu kinh doanh làm cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, đánh giá năng lực nhằm điều chỉnh kịp thời nhân sự kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

b) Trong hoạt động sản xuất

- Cơ cấu lại hoạt động sản xuất, rà soát đánh giá lại toàn bộ máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nhà kho, bãi...; sử dụng những máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nhà xưởng phù hợp với tình hình thực tế nhằm giảm khâu hao, giảm chi phí trong sản xuất.
- Lập kế hoạch sản xuất phù hợp với năng lực cầu bến, thiết bị, con người nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tỉ lệ hao hụt, kiểm soát tốt định mức tiêu hao nhiên liệu, công cụ dụng cụ.

- Khai thác tối đa năng lực cầu bến, tránh để thời gian cầu trống, đồng thời liên kết với đối tác khai thác tại bến 2/3/4 và tổ chức sản xuất tại các điểm neo.
- Nâng cao vai trò trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ tại các đơn vị trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tác nghiệp. Gắn trách nhiệm của cá nhân, đơn vị với chất lượng dịch vụ.
- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các quy trình, công đoạn sản xuất theo quy định đã ban hành.
- Xây dựng lại định mức năng suất lao động, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phù hợp với thực tế sản xuất và chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
- Tập trung đầu tư vào trang thiết bị còn thiếu, năng suất thấp, hoặc đã cũ của tuyến tiền phương, hậu phương nhằm đạt mục tiêu sản xuất đã đề ra.
- Khai thác tối đa hệ thống nhà kho, đồng thời tập trung vào các phương án kinh tế trong đầu tư các dự án như cải tạo bãi chứa hàng bến 1, cải tạo bãi bến số 7.

c) Trong quản lý điều hành

- Để nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, Cảng sẽ tập trung vào 2 khía cạnh của quản trị doanh nghiệp: nguồn nhân lực chất lượng cao và phương thức quản trị hiện đại như sau:

+ Nguồn nhân lực chất lượng cao: Để hoạt động quản trị doanh nghiệp hiệu quả và tiên tiến, yếu tố nhân lực không chỉ dừng lại ở đội ngũ quản lý cấp cao mà ngay từ nhân viên trong mỗi phòng ban cũng cần có sự thay đổi về tư duy và hành động.

+ Phương thức quản trị hiện đại: Tập trung vào hai yếu tố đó là nâng cao tinh thần trách nhiệm cá nhân kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị.

- Cơ chế giao việc gắn với trách nhiệm của nhân sự, có khối lượng, đầu việc và thời gian cụ thể. Đánh giá hiệu quả làm việc trên cơ sở kết quả cụ thể và mức độ hoàn thành.

- Các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày phải chuẩn hóa theo các quy trình, quy chế, tạo sự thống nhất trong quản lý điều hành. Tiếp tục hoàn thiện các văn bản định chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp, chức năng nhiệm vụ, mô tả công việc đối với các phòng ban chưa được ban hành.

- Rà soát toàn bộ các chi phí trong hoạt động hàng ngày, cắt giảm và loại bỏ những chi phí không cần thiết, đồng thời đưa chủ trương trong toàn công ty giảm chi phí tối đa trong tất cả các hoạt động: văn phòng phẩm, điện nước,... nhằm giảm chi phí hoạt động cho Công ty.

- Xây dựng cơ chế lương, thưởng phù hợp đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động không thấp hơn mức thu nhập hàng năm.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng kiến: tạo sự gắn bó, đoàn kết và nâng cao năng suất lao động trong toàn công ty.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá nhằm nâng cao ý thức của người lao động.

- Tổ chức định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm họp giao ban đánh giá kết quả công việc từng phòng ban đơn vị, nhằm kịp thời nắm bắt các khó khăn vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để chỉ đạo giải quyết

6. Các nhân tố rủi ro

❖ **Rủi ro về kinh tế:**

- Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xếp dỡ, các cảng với nhau ngày càng khốc liệt, đặc biệt là giá xếp dỡ ngày càng giảm sâu. Vấn đề này đã thực sự gây khó khăn nhất định cho Cảng.

- Chi phí vận chuyển hàng hóa đi đến các tỉnh phía bắc qua Hải Phòng thấp hơn so với ra khu vực Quảng Ninh. Khách hàng sẽ đưa hàng về cảng Hải phòng khai thác để giảm bớt chi phí vận chuyển so với việc đưa về cảng Quảng Ninh.

- Tại khu vực cảng Hải Phòng có nhiều tuyến tàu container quốc tế đang khai thác có thể đáp ứng nhu cầu gửi hàng đa dạng cho khách hàng. Dịch vụ Logistics ít có cơ hội phát triển, khách hàng quen với việc mở tờ khai và làm các thủ tục khác cho hàng cont tại các chi cục Hải Quan Hải Phòng.

- Các khu công nghiệp tại tỉnh Quảng Ninh đã hình thành nhưng nguồn hàng, lượng hàng hóa xuất nhập khẩu qua cảng rất ít. Cảng không có cơ hội khai thác tiềm năng của khu công nghiệp để gia tăng dịch vụ, doanh thu.

- Kế hoạch tàu đến của khách hàng bất bình hành gây khó khăn trong việc lập kế hoạch, tối ưu hóa hệ số khai thác cầu bến của Cảng.

❖ **Rủi ro về luật pháp:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật đấu thầu, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập... Khi tham gia thị trường chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán. Do hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong quá trình hoạt động, công ty luôn phải đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn. Các rủi ro có thể bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân trong đó rủi ro pháp lý phát sinh từ việc tuân thủ pháp luật, thay đổi pháp luật, áp dụng pháp luật của công ty và các mâu thuẫn giữa pháp luật trong nước và cam kết quốc tế là một trong những rủi ro gây hậu quả nghiêm trọng nhất ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm của công ty.

Bên cạnh đó, do hoạt động kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics, xếp dỡ vận chuyển và làm thủ tục giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu, Công ty không chỉ chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật của nhà nước về lĩnh vực hàng hải, hải quan, điều hành vận tải đường bộ, đường thủy nội địa..., mà còn phải tuân thủ các Điều ước quốc tế, các thỏa ước của Hiệp hội vận chuyển, giao nhận hàng hóa quốc tế như FIATA,...

Các rủi ro pháp lý này ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển của công ty, đặc biệt trong bối cảnh những biến động phức tạp về tình hình kinh tế Việt Nam và trên thế giới hiện nay. Để hạn chế các rủi ro về mặt luật pháp, Cảng Quảng Ninh luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Cảng, từ đó điều chỉnh các hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh phù hợp hơn.

❖ **Rủi ro đặc thù**

Bên cạnh những rủi ro về kinh tế, rủi ro luật pháp, chính sách ảnh hưởng đến doanh nghiệp, rủi ro đặc thù ngành kinh doanh là ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc giá nhiên liệu thường xuyên biến động ở mức cao, các loại phí bảo hiểm, thuế và phí tăng cao cùng việc hạ tầng giao thông đô thị xuống cấp làm cho tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp cảng biển, vận tải gặp nhiều khó khăn. Sự thay đổi liên tục chính sách về thuế đối với các phương tiện vận tải cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc kinh doanh khai thác cảng. Các yếu tố thị trường như giá, nhu cầu hàng hóa, hạn ngạch xuất nhập khẩu... ảnh hưởng đến các khách hàng của Cảng Quảng Ninh cũng sẽ kéo theo sự sụt giảm hoặc gia tăng sản lượng hàng hóa làm hàng tại Cảng.

Ngoài ra, điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Quảng Ninh. Sản lượng và hiệu quả của Cảng phụ thuộc vào mùa mưa bão, lũ lụt, thiên tai... các rủi ro từ thiên nhiên gây thiệt hại về đường xá; gây khó khăn cho phương tiện thủy, bộ trong việc vận hành kinh doanh.

❖ **Rủi ro khác:**

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Các bất ổn về kinh tế, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư của các sản phẩm mà Công ty cho phù hợp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh (%) thực hiện 2022 với	
						KH 2022	TH 2021
I	Chỉ tiêu SXKD						
A	Chỉ tiêu kinh doanh Cảng biển						
1	Sản lượng thông qua	Tấn TQ	8.104.675	8.200.000	9.279.961	113,17%	114,50%
2	Sản lượng xếp dỡ	Tấn XD	8.211.713	8.350.000	9.491.631	113,67%	115,59%
3	Doanh thu dịch vụ cảng biển	Tỷ đồng	471,00	475,00	526,07	110,75%	111,69%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	113,74	117,01	119,01	101,71%	104,63%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh (%) thực hiện 2022 với	
						KH 2022	TH 2021
B	Chỉ tiêu kinh doanh thương mại						
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	376,51	500,57	158,19	31,60%	42,01%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,66	0,07	0,02	30,00%	1,27%
II	Chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.045,58		1.075,25		102,84%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	933,28		942,37		100,97%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	910,12		727,09		79,89%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	115,39		119,2		103,30%
III	Chỉ tiêu lao động						
1	Số lượng lao động (bình quân)	người	694	694	683	98,41%	98,41%
2	Thu nhập BQ người lao động	Tr.đ/ tháng	14,54	14,679	16,5	112,41%	113,48%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách HĐQT, BKS, Ban TGD, KTT

Hội đồng quản trị (HĐQT):

✦ Từ ngày 01/01/2022 đến 30/05/2022:

Ông Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Công Đoàn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phú Quân	Thành viên HĐQT

✦ Từ ngày 01/6/2022 đến nay:

Ông Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Công Đoàn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phú Quân	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT

Ban Tổng giám đốc (Ban TGD):

✦ Từ ngày 01/01/2022 đến nay:

Ông Hoàng Trọng Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Quách Đình Phú	Phó Tổng giám đốc

Ông Đinh Anh Tuấn
Ông Nguyễn Văn Mạnh

Phó Tổng giám đốc
Phó Tổng giám đốc

Ban kiểm soát (BKS)

✦ Từ ngày 01/01/2022 đến nay

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đỗ Quang Hưng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lương Thị Yên	Thành viên Ban kiểm soát

Kế toán trưởng

✦ Từ ngày 01/01/2022 đến nay:

Ông Nguyễn Tư Thịnh Kế toán trưởng

2.2 Sơ yếu lý lịch

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Thông tin cá nhân	Thông tin về cổ phần	Thông tin về lợi ích và các khoản nợ
I. Hội đồng quản trị		
1. Chủ tịch HĐQT: Đỗ Ngọc Khanh		
- Số CCCD: 001083056440, ngày cấp 10/07/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 06/8/1983 - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Địa chỉ thường trú: Xóm Ngánh, thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, Hà Nội - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật (ĐH Luật Hà Nội) - Ngoại ngữ: Anh văn trình độ C. - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: + Chánh văn phòng HĐQT Tập đoàn T&T + Phó Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần	- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần. - Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần - Số cổ phần của người có liên quan: Không có	- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có - Các khoản nợ đối với Công ty : Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
2. Thành viên HĐQT: Phạm Công Đoàn		
- Số CCCD: 037057000017, ngày cấp 20/5/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát - Giới tính: Nam	- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.	- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích

Thông tin cá nhân	Thông tin về cổ phần	Thông tin về lợi ích và các khoản nợ
<p>- Ngày tháng năm sinh: 08/02/1960</p> <p>- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc : Kinh</p> <p>- Địa chỉ thường trú : Số 33 ngõ 75 Hồng Hà – Phúc Xá – Ba Đình – Hà Nội</p> <p>- Trình độ văn hóa: 10/10</p> <p>- Trình độ chuyên môn:</p> <p>+ Cử nhân kinh tế trường Đại học Kinh tế Quốc dân</p> <p>- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:</p> <p>+ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Núi Vàng Hoàng Sơn</p> <p>+ Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH điện mặt trời Trường Lộc</p> <p>+ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn năng lượng T&T</p>	<p>- Số lượng cổ phần đại diện : 58.369.435 cổ phần (của Công ty cổ phần Tập đoàn T&T)</p> <p>- Số cổ phần của người có liên quan : Không có</p>	<p>Công ty :</p> <p>Không có</p> <p>- Các khoản nợ đối với Công ty :</p> <p>Không có</p> <p>- Lợi ích liên quan đối với Công ty :</p> <p>Không có</p>
<p>3. Thành viên HĐQT- Phó Tổng giám đốc Nguyễn Văn Mạnh</p>		
<p>- Số CCCD: 030078008920, ngày cấp 08/04/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát</p> <p>- Giới tính: Nam</p> <p>- Ngày tháng năm sinh: 20/03/1978</p> <p>- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh</p> <p>- Địa chỉ thường trú: P808 Nhà H - Đền Lừ I - Hoàng Mai</p> <p>- Hà Nội- Trình độ văn hóa : 12/12</p> <p>- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ĐH Kinh tế Quốc dân</p> <p>- Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:</p> <p>+ Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân</p>	<p>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.</p> <p>- Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần</p> <p>- Số cổ phần của người có liên quan: Không có</p>	<p>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty :</p> <p>Không có</p> <p>- Các khoản nợ đối với Công ty :</p> <p>Không có</p> <p>- Lợi ích liên quan đối với Công ty :</p> <p>Không có</p>
<p>4. Thành viên HĐQT Nguyễn Phú Quân</p>		
<p>Số CCCD: 001082024808, ngày cấp: 14/8/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát</p> <p>- Giới tính: Nam</p> <p>- Ngày tháng năm sinh: 23/01/1982</p> <p>- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh</p> <p>- Địa chỉ thường trú: Số 10 Lò Đúc, phường Phạm Đình</p>	<p>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.</p> <p>- Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần</p>	<p>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty :</p> <p>Không có</p> <p>- Các khoản</p>

Thông tin cá nhân	Thông tin về cổ phần	Thông tin về lợi ích và các khoản nợ
<p>Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ văn hóa : 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh. Thạc sỹ Kinh doanh và quản lý - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: + Phó Giám đốc Phụ trách Ban Hành chính – Nhân sự Công ty cổ phần Bất động sản T&T Homes. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần của người có liên quan: Không có 	<ul style="list-style-type: none"> nợ đối với Công ty : Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
<p>5. Thành viên HĐQT Nguyễn Trung Kiên</p>		
<p>Số CCCD: 001081039357, ngày cấp: 08/2/2023, nơi cấp: Cục cảnh sát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 21/06/1981 - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Địa chỉ thường trú: P2114 HH2 chung cư 90 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội - Trình độ văn hóa : 12/12 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: + Tổng Giám đốc Công ty TNHH Siêu cảng & Trung tâm logistic T&T Superport + Chủ tịch HĐQT CTCP T&Y Superport Vĩnh Phúc + Tổng Giám đốc CTCP Môi trường T&T Thái Nguyên + Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Năng lượng Môi trường T&T HITZ. + Thành viên HĐQT CTCP Môi trường Công nghiệp T&T + Phó trưởng phòng Công nghiệp Ban QLCN CTCP Tập đoàn T&T. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần. - Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần - Số cổ phần của người có liên quan: Không có 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có - Các khoản nợ đối với Công ty : Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
<p>II. Ban Tổng giám đốc</p>		
<p>1. Tổng giám đốc Hoàng Trọng Tùng</p>		

Thông tin cá nhân	Thông tin về cổ phần	Thông tin về lợi ích và các khoản nợ
<ul style="list-style-type: none"> - Số CCCD: 022060002784, ngày cấp 13/04/2021, nơi cấp: CA Quảng Ninh - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 16/9/1960 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc : Kinh - Quê quán: Xã Liên Vị, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh - Địa chỉ thường trú : Tổ 8 Khu 1 phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển - Lý luận chính trị: Cao cấp - Ngoại ngữ: Tiếng Anh - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 12.400 cổ phần. - Số cổ phần của người có liên quan: Không có 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
2. Phó Tổng giám đốc Đinh Anh Tuấn		
<ul style="list-style-type: none"> - Số CCCD: 022066002478, ngày cấp 20/11/2019, nơi cấp: Cục cảnh sát - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 28/7/1966 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc : Kinh - Quê quán: Yên Định, Thanh Hóa - Địa chỉ thường trú: Tổ 2 Khu 2, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh - Lý luận chính trị: Cao cấp - Ngoại ngữ: Tiếng Anh (A) - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 19.041 cổ phần. - Số cổ phần của người có liên quan: 283 cổ phần 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có - Các khoản nợ đối với Công ty : Tạm ứng của Công ty 0 đồng - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
3. Phó Tổng giám đốc Quách Đình Phú		
<ul style="list-style-type: none"> - Số CMND: 100848521, ngày cấp cấp ngày 30/9/2009, nơi cấp: CA Quảng Ninh - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 14/1/1964 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 14.922 cổ phần. - Số cổ phần của người có liên 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có - Các khoản

Thông tin cá nhân	Thông tin về cổ phần	Thông tin về lợi ích và các khoản nợ
<ul style="list-style-type: none"> - Quê quán: Thái Phúc, Thái Thụy, Thái Bình - Địa chỉ thường trú : Tổ 2, khu 6, phường Yết kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển. - Lý luận chính trị: Cao cấp - Ngoại ngữ: Bằng A tiếng Anh - Tin học : Văn phòng - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Bí thư Đảng ủy Đảng bộ Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh. 	quan: 2.264 cổ phần	nợ đối với Công ty: Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
4. Phó tổng giám đốc Nguyễn Văn Mạnh: như mục I.3		
III. Kế toán trưởng/Trưởng phòng tài chính kế toán/Phụ trách kế toán		
Kế toán trưởng Nguyễn Tư Thịnh		
<ul style="list-style-type: none"> - Số CCCD: 022074001829, ngày cấp 26/9/2017, nơi cấp: Cục cảnh sát - Ngày tháng năm sinh: 26/7/1974 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh - Địa chỉ liên hệ: Tổ 1B khu 1 phường Hùng Thắng, Tp. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán - Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần. - Số cổ phần của người có liên quan: Không có 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

3. Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán

Ngày 05/10/2020, ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh đã thông qua Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ về việc Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Theo đó, Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 337,5 tỷ đồng sẽ được sử dụng cho mục đích đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tại Điều 1 Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2020, Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn thực tế của Công ty và đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông. Ngày 25/10/2020, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐQT v.v điều chỉnh phương án sử dụng vốn của đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu như sau:

+ Dùng toàn bộ số tiền thu được từ việc tăng vốn là 337.500.000.000 đồng để kinh doanh ngắn hạn các mặt hàng nông sản (như ngô hạt, khô đậu tương và các mặt hàng nông sản khác phù hợp với nhu cầu thị trường). Đây là mặt hàng tương thích với đặc thù hoạt động cảng của Công ty, có lợi thế trong công tác kiểm soát trong quá trình kinh doanh.

+ Nguyên tắc thực hiện: An toàn, thời gian thu hồi vốn ngắn (dưới sáu tháng) và có hiệu quả).

Năm 2020, năm 2021 theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2020, Cảng Quảng Ninh đã triển khai:

+ Lập phương án phát triển Cảng Quảng Ninh theo thương hiệu đại hóa:

- ✓ Tìm kiếm và làm việc với các đơn vị tư vấn nước ngoài có uy tín, có kinh nghiệm tư vấn quy hoạch chiến lược phát triển Cảng cho các nước trên thế giới, gồm Công ty TNHH Haskoning DHV Việt Nam (RHDHV); Công ty TNHH Nippon Koei Việt Nam International (NKV); Công ty TNHH KPMG tại Hà Lan.
- ✓ Các đơn vị tư vấn đã gửi hồ sơ giới thiệu năng lực và kinh nghiệm tư vấn quy hoạch chiến lược phát triển các cảng biển trên thế giới để Cảng Quảng Ninh tham khảo.
- ✓ Một số đơn vị tư vấn đã trực tiếp xuống khảo sát, nghiên cứu Cảng Quảng Ninh trong tổng thể quy hoạch cảng biển Việt Nam.

+ Đầu tư cơ sở vật chất tại Cảng:

- ✓ Nghiên cứu, đánh giá, lập phương án đầu tư kho bãi hàng hóa – bến số 1, được HĐQT công ty phê duyệt, đã gửi xin tỉnh Quảng Ninh phê duyệt nhưng chưa được chấp thuận.
- ✓ Làm việc với các đơn vị tư vấn và nhà cung cấp về trang thiết bị chuyên dụng tại Cảng, lấy các bản chào, báo giá... để phù hợp với chiến lược phát triển, mở rộng, hiện đại hóa.

Một phần vì các quy định của Nhà nước có thay đổi, một phần vì ảnh hưởng của covid nên quá trình làm việc với các đơn vị tư vấn, nhà cung cấp buộc phải tạm dừng.

Năm 2021 và 2022, UBND tỉnh Quảng Ninh và Thủ tướng Chính phủ đã có nhiều phê duyệt mới liên quan đến hoạt động của Cảng, các dự án đang triển khai tại thành phố Hạ Long đều tạm thời dừng lại chờ quy hoạch và Dự án đầu tư của Cảng Quảng Ninh theo phương án phê duyệt của ĐHĐCĐ cũng chưa được cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép. Ngoài ra, HĐQT Cảng nhận thấy việc vẫn tiếp tục quy hoạch chiến lược phát triển tổng thể Cảng Quảng Ninh là cần thiết, tuy nhiên để tối ưu hóa thì cần phải phù hợp với Quy hoạch chung của thành phố Hạ Long và Quy hoạch tổng thể hệ thống phát triển cảng biển Việt Nam theo quyết định của Thủ tướng chính phủ, đồng thời phải phù hợp với tình hình hoạt động phát triển hiện tại của cảng biển khác tại Quảng Ninh, Hải Phòng. Do đó, tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, HĐQT đã xin ĐHĐCĐ thông qua phương án sử dụng vốn bổ sung như sau:

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (phương án ưu tiên).

+ Đầu tư, hợp tác vào các tổ chức có ngành nghề phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty; hoặc cùng trong chuỗi giá trị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như logistics, hạ tầng,...

+ Bổ sung vốn lưu động.

Trên cơ sở được ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua phương án sử dụng vốn bổ sung, ngày 02/06/2022, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 01B/2022/NQ-HĐQT v.v phê duyệt sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt tăng vốn điều lệ được bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo đúng phê quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

✚ Số lượng cán bộ, công nhân viên

Tổng số người lao động trong Công ty tại ngày 31/12/2022 là 668 CBCNV được cơ cấu như sau::

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
I. Tổng số lao động	668	100
1. Ban Tổng giám đốc	4	0,60%
2. Đảng, công đoàn	2	0,30%
3. Lao động quản lý (từ cấp phó trưởng phòng và tương đương trở lên)	27	4,04%
4. Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	96	14,37%
5. Lao động trực tiếp sản xuất	411	61,53%
6. Lao động thừa hành, phục vụ	128	19,16%
II. Trình độ chuyên môn	668	100
1. Trình độ trên đại học	5	0,75%
2. Trình độ đại học	193	28,89%
3. Trình độ cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	65	9,73%
4. Trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật	274	41,02%
5. Chưa qua đào tạo, (LĐPT)	131	19,61%

✚ Chế độ làm việc

Nguồn nhân lực là nguồn tài nguyên sống duy nhất (con người) có thể sử dụng và kiểm soát các nguồn lực khác, có thể khai thác tốt nhất khả năng, năng suất và hiệu quả của chúng. Vì vậy, nếu khả năng và năng lực của người lao động được nâng cao và phát triển thì Công ty sẽ ngày càng phát triển lớn mạnh và bền vững hơn.

Quan điểm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực sau khi hoàn thành công tác tái cơ cấu của Công ty là: Tuyển dụng và bổ nhiệm đúng năng lực, đúng vị trí; trả công xứng đáng với năng lực làm việc và thành tích đóng góp.

Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch dự bị nhằm chủ động

lập kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa. Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực. Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động, xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.

Xây dựng chế độ lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh đảm bảo giữ được người tài và thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc, khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất, tích cực sáng tạo trong sản xuất, gắn bó lâu dài với Công ty; thực hiện phân phối làm theo năng lực, hưởng theo hiệu quả công việc đã tạo ra sự công bằng giữa các tập thể, cá nhân. Việc điều chỉnh lương được xem xét định kỳ hàng năm và theo từng trường hợp cụ thể căn cứ theo năng lực làm việc, thành tích đóng góp của CBNV và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thời giờ làm việc không quá 48 giờ/tuần, được bố trí như sau:

+ Bộ phận văn phòng Công ty và văn phòng các xí nghiệp trực thuộc Công ty: Làm việc 08 giờ/ngày (từ thứ hai đến hết chiều thứ sáu).

+ Công nhân Bốc xếp, nhân viên Giao nhận, nhân viên Cân hàng, nhân viên Kho hàng hóa, nhân viên Chỉ đạo: Bố trí làm việc 4 ca/ngày, mỗi ca 06 giờ.

+ Nhân viên Trực ban, nhân viên Bảo vệ, công nhân Quản lý hệ thống điện, Thủ kho cấp phát dụng cụ xếp dỡ: Bố trí làm việc 3 ca/ngày, mỗi ca 08 giờ.

+ Công nhân cơ khí, sửa chữa; nhân viên Quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị, công cụ: Bình thường làm việc theo giờ hành chính, khi cần phải làm việc theo ca thì làm 08 giờ/ca hoặc 06 giờ/ca.

+ Thời gian làm việc của Thuyền viên, Lái xe con văn phòng: 08 giờ/ngày.

+ Giờ làm việc ban đêm được tính từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.

❖ **Chính sách thưởng:**

Công ty thực hiện chính sách thưởng cho người lao động khi người lao động có những đóng góp lớn, hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chấp hành tốt nội quy của công ty. Tiền thưởng chi cho người lao động được thực hiện từ các nguồn sau:

+ Thưởng từ quỹ tiền lương cho người lao động có những đóng góp tích cực, hiệu quả cho công ty.

+ Thưởng từ quỹ khen thưởng cho những cán bộ công nhân viên có những thành tích trong công tác, lao động do các cấp xét vào dịp kết thúc năm, hoặc có những sáng kiến, thành tích đột xuất được ghi nhận.

+ Đối với lãnh đạo công ty: Gồm các thành viên HĐQT, Ban TGD Công ty, cán bộ quản lý khi có những đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, sản xuất kinh doanh có hiệu quả sẽ được HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét trích quỹ thưởng cho HĐQT, Ban TGD vào kỳ đại hội cổ đông thường niên hằng năm.

❖ **Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động:**

- + Ngoài chính sách lương, thưởng, người lao động trong công ty còn được công ty đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý...; nâng bậc lương, thi tay nghề.
- + Thực hiện chế độ đóng BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của Nhà nước.
- + Thực hiện chế độ ăn giữa ca cho người lao động, Công ty có bếp ăn tập thể để phục vụ người lao động có nhu cầu ăn trưa tại công ty.
- + Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động tùy theo vị trí, đặc điểm công việc. Thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, độc hại;
- + Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động.
- + Trang bị đồng phục làm việc cho khối văn phòng;
- + Công ty còn có quy định hỗ trợ chi phí sử dụng điện thoại phục vụ công tác cho một số đối tượng gồm: Ban TGD, Trưởng Ban Kiểm soát, Trưởng phó các đơn vị, cán bộ nghiệp vụ, tổ trưởng, tổ phó sản xuất... hằng tháng.

5. Tình hình tài chính

5.1 Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Tăng/ giảm	
			tuyệt đối	%
Tổng giá trị tài sản	1.045.579.917.609	1.075.253.911.968	29.673.994.359	2,84
Doanh thu thuần	847.510.788.937	684.261.194.608	(163.249.594.329)	(21,60)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	107.015.437.727	100.875.986.689	(6.139.451.038)	(5,74)
Lợi nhuận khác	8.378.807.543	18.328.514.717	9.949.707.174	118,75
Lợi nhuận trước thuế	115.394.245.270	119.204.501.406	3.810.256.136	3,30
Lợi nhuận sau thuế	90.775.606.882	95.138.761.020	4.363.154.138	4,81

5.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn = (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	3,75	2,74	
1.2	Hệ số thanh toán nhanh = [(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn]	3,38	2,40	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

2.1	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,11	0,12	
2.2	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,12	0,14	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
3.1	Vòng quay hàng tồn kho = (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	16,83	12,19	
3.2	Vòng quay tổng tài sản = (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân)	0,66	0,65	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
4.1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,11	0,14	
4.2	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,10	0,10	
4.3	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,09	0,09	
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Tổng tài sản	0,10	0,09	

6. Cơ cấu cổ đông, những thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1 Cổ phần

- Cổ phiếu phổ thông: 75.049.936 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông
- Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 80.690 cổ phiếu
- Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 74.969.246 cổ phiếu

6.2 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 04/04/2023

(theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp)

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
I	THEO TỶ LỆ SỞ HỮU	337	75.049.936	100%
1	Cổ đông lớn	1	71.169.435	77,774%
2	Cổ đông nhỏ	336	3.880.501	22,226%
II	CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI	337	75.049.936	100%
1	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	334	75.048.836	99,999%
1.1	Tổ chức	8	67.875.321	90,441%

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
1.2	Cá nhân	326	7.173.515	9,558%
2	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	3	1.100	0,001%
2.1	Tổ chức	0		
2.2	Cá nhân	3	1.100	0,001%

6.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đại hội cổ đông bất thường được tổ chức vào ngày 5/10/2020, thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ từ 500.499.360.000 đồng lên 750.499.360.000 đồng.

Ngày 25/12/2020, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước ra công văn số 7570/UBCK-QLCB chấp thuận báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Cảng Quảng Ninh, tăng vốn điều lệ lên 750.499.360.000 đồng

Ngày 29/01/2021, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ra Thông báo số 181/TB-SGDHN thông báo ngày giao dịch chính thức 25.000.000 cổ phiếu mới phát hành là ngày 03/02/2021.

6.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

6.5 Các chứng khoán khác

Không có

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

7.1. Tiêu thụ năng lượng

- Tổng chi phí điện năm 2022 là: 5.874.864.331 đồng.
- Tổng chi phí dầu năm 2022 là: 18.922.147.587 đồng.

7.2. Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước: Công ty nước sạch Quảng Ninh.
- Chi phí sử dụng nước năm 2022: 511.235.750 đồng.

7.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

7.4. Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động bình quân năm 2022: 683 người. Thu nhập bình quân người lao động năm 2022: 16,5 triệu đồng/người/tháng.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động phù hợp theo vị trí và đặc

điểm công việc. Bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường có yếu tố độc hại, nguy hiểm. Tổ chức nấu ăn giữa ca cho người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp.

- Hoạt động đào tạo người lao động:

+ Đào tạo bên ngoài: Đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường; đào tạo Máy trưởng tàu biển; tập huấn chính sách, pháp luật về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; đo bóc khối lượng và lập dự toán công trình xây dựng; tập huấn nghiệp vụ cho nhân viên bảo vệ; tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm; phối hợp tổ chức tập huấn kỹ năng lãnh đạo, điều hành cho cán bộ quản lý, chỉ đạo hiện trường.

+ Đào tạo nội bộ: Đào tạo sơ cấp lái xe gạt; đào tạo nâng cao tay nghề lái cầu, lái xe tải, xe cuốn...; huấn luyện an toàn vệ sinh lao động; huấn luyện phòng cháy chữa cháy.

+ Các lớp cơ bản được hoàn thành đúng thời hạn, có hiệu quả, bổ sung kiến thức, nâng cao tay nghề cho người lao động; kịp thời bổ sung nhân lực có trình độ nhằm phục vụ cho công tác sản xuất của Công ty.

7.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng

Cảng Quảng Ninh là thành viên tổ giúp việc tham mưu cho UBND tỉnh Quảng Ninh triển khai Nghị Quyết số 15-NQ/TU ngày 23/4/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển cảng biển và dịch vụ cảng biển trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được kỳ vọng sẽ là bàn đạp để thúc đẩy cảng biển và dịch vụ cảng biển Quảng Ninh phát triển nhanh, mạnh hơn nữa. Qua đó là cầu nối giữa các khách hàng của Cảng với UBND tỉnh Quảng Ninh về cơ chế, chính sách cũng như tháo gỡ những vướng mắc khó khăn.

Song song với các hoạt động thúc đẩy kinh doanh, xây dựng thương hiệu, Cảng Quảng Ninh luôn duy trì công tác xây dựng hình ảnh là doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội, hướng tới cộng đồng bằng các chương trình vô cùng ý nghĩa như: chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV trong công ty, kịp thời thăm hỏi, hỗ trợ hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiệt hại nặng nề do mưa bão; tổ chức hoạt động hiến máu nhân tạo, trợ cấp cho trẻ em mồ côi...

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

1.1 Chỉ tiêu SXKD

❖ *Hoạt động kinh doanh cảng biển*

- Sản lượng hàng hóa thông qua là 9,28 triệu tấn, tăng 13,17% so với kế hoạch và tăng 14,50% so với năm 2021.

- Sản lượng hàng hóa xếp dỡ là 9,49 triệu tấn, tăng 13,67% so với kế hoạch năm và tăng 15,59% so với năm 2021.

- Doanh thu khai thác cảng là 526,07 tỷ đồng, tăng 10,75% so kế hoạch năm và tăng 11,69% so với năm 2021.

- Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh cảng biển là 119,01 tỷ đồng, tăng 1,71% so với kế hoạch đặt ra và tăng 4,63% so với năm 2021.

❖ *Hoạt động kinh doanh thương mại*

- Doanh thu bán hàng là 158,19 tỷ đồng, bằng 42,01% so với năm 2021. Lợi nhuận trước thuế là 0,02 tỷ đồng, bằng 1,27% so với năm 2021.

1.2 Chỉ tiêu tài chính

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2022 là 1.075,25 tỷ đồng, tăng 29,67 tỷ đồng (2,84%) so với năm 2021.

- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2022 là 942,37 tỷ đồng, tăng 9,09 tỷ đồng so năm 2021.

- Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022 là 132,88 tỷ đồng (tại thời điểm 31/12/2021 là 112,29 tỷ đồng). Công ty không có các khoản nợ dài hạn.

- Các khoản phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2022 là 171,40 tỷ đồng (tại thời điểm 31/12/2021 là 175,66 tỷ đồng). Công ty không có các khoản phải thu dài hạn.

- Thu nhập bình quân người lao động đạt 16,5 triệu đồng/người/tháng, tăng 1,96 triệu đồng/người/tháng (tăng 13,5%) so với năm 2021.

1.3 Kết quả công tác sửa chữa, đầu tư mua sắm thiết bị và XDCB

➡ *Công tác đầu tư, mua sắm trang thiết bị*

- Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị thường xuyên: thực hiện theo đúng kế hoạch và phát sinh theo tình hình thực tế.

- Công tác sửa chữa lớn: thực hiện sửa chữa 65 thiết bị (trong đó 61 thiết bị theo kế hoạch, 4 thiết bị phát sinh).

- Đầu tư mua sắm: 5 hạng mục với giá trị đầu tư 21,1 tỷ đồng

TT	Tên dự án/ Hạng mục đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng kinh phí vốn của Cảng (đồng)
1	Đầu tư xe gạt (03 xe + 01 xe)	Phục vụ làm hàng gỗ dăm	7.680.000.000
2	Đầu tư xe tải (02 xe)	Phục vụ vận chuyển hàng nông sản, gỗ dăm	3.000.000.000
3	Đầu tư ngoạm ĐKTX 25 m3	Phục vụ làm hàng nông sản	2.599.300.000
4	Nâng cấp cầu liebherr 1300	Làm hàng khi tàu vào cầu 5,6,7	7.300.000.000
5	Lắp máy biến áp cấp điện cho cầu LHM250 tại bến 1	Cấp điện cho cầu Liebherr 250	533.023.500
Tổng			21.112.323.500

- Sửa chữa lớn giảm do các thiết bị đã được sửa chữa bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên, hạn chế được sự cố của các thiết bị khi phục vụ sản xuất.

- Chất lượng sửa chữa thiết bị, công cụ đã được nâng lên rõ rệt, tất cả các công cụ, thiết bị sau khi sửa chữa xong hoạt động ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất. Tuy nhiên còn xảy

ra tình trạng thời gian sửa chữa một số thiết bị, công cụ còn kéo dài nguyên nhân chủ yếu do thiếu nhân lực sửa chữa và vật tư thay thế trong trường hợp hư hỏng đột xuất.

- Đầu tư thiết bị, công cụ kịp thời đáp ứng nhu cầu sản xuất.

✚ Xây dựng cơ bản

- Tổng giá trị đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 là 17,73 tỷ đồng: vốn của Cảng là 9,73 tỷ đồng, vốn khác là 8 tỷ đồng.

TT	Tên dự án/hạng mục đầu tư	Giá trị (đồng)	
		Vốn của Cảng	Vốn khác
1	Các hạng mục đang thực hiện dở dang trong năm 2021 chuyển tiếp sang năm 2022: 4/5 hạng mục	943.184.325	
2	Các hạng mục bảo dưỡng sửa chữa định kỳ: 8/8 hạng mục	942.759.236	
3	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa nhỏ (≤ 100 triệu đồng): 7/7 hạng mục	172.441.459	
4	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa lớn (> 100 triệu đồng): 3/3 hạng mục	625.292.787	
5	Các dự án đầu tư mới theo yêu cầu của sản xuất: 3/7 hạng mục	5.799.688.871	8.000.000.000
6	Các hạng mục phát sinh nằm ngoài kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022: 70/77 hạng mục	1.249.564.634	
	Tổng	9.732.931.312	8.000.000.000

- Công tác đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở hạ tầng: Cơ bản đã thực hiện kịp thời, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo kế hoạch đã lập, phục vụ kịp thời cho sản xuất.

- Công tác môi trường: Cơ bản đã thực hiện tốt theo quy định của Nhà nước. Đã thực hiện kiểm tra, nhắc nhở và lập biên bản vệ sinh môi trường các đơn vị trong toàn cảng theo kế hoạch hàng tháng đề ra.

2. Đánh giá

2.1. Đánh giá hoạt động kinh doanh cảng biển

a) Đạt được

- Sản lượng, doanh thu và lợi nhuận trước thuế đều có sự tăng trưởng so với năm 2021.
- Cảng luôn duy trì và quan hệ tốt với các shipper hàng nông sản, luôn ưu tiên tối đa cầu bến, trang thiết bị xếp dỡ và kho chứa hàng.
- Áp dụng chính sách kinh doanh linh hoạt, hiệu quả với các mặt hàng chủ lực.
- Thực hiện tốt công tác marketing, thu hút thêm nhiều khách hàng mới.
- Giao lưu, duy trì tốt mối quan hệ với các khách hàng, chủ hàng, nắm bắt thông tin, nhu cầu khách hàng để phát triển dịch vụ.

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Quý I năm 2022 việc tiếp cận gặp trực tiếp khách hàng trong thời điểm dịch covid-19 hầu như không thực hiện được, mà chỉ thông qua điện thoại, email, zalo dẫn đến hạn chế trong thông tin với khách hàng và nắm bắt tình hình thị trường.
- Sự cạnh tranh quyết liệt của các cảng lân cận, các doanh nghiệp xếp dỡ ngoài vùng neo, các cảng khu vực Hải Phòng.
- Các dịch vụ logistics mới chỉ thực hiện gói gọn trong khu vực Cảng Cái Lân, chưa tiếp cận ra bên ngoài do chưa có hệ thống xe vận tải đường bộ và sà lan vận chuyển đường thủy, do đó nếu đi thuê giá thành cao rất khó cạnh tranh, hiệu quả thấp.
- Chưa đáp ứng được nhu cầu lưu kho cho khách hàng vào thời điểm tàu hàng TACN đến nhiều. Có những thời điểm hệ thống kho Cảng còn thiếu, không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, dẫn tới việc khách hàng phải thuê các kho ngoài khu vực cảng hoặc thay đổi tác nghiệp, làm giảm đi hiệu quả kinh tế.

2.2. Đánh giá hoạt động sản xuất

a) Kết quả năng suất xếp dỡ các mặt hàng

- Đối với hàng Nông sản: Năng suất xếp dỡ bình quân tăng nhẹ so với năm 2021 (2,2%) do: chủ động trao đổi thông tin kế hoạch tàu với các shipper, đại lý để tổ chức linh hoạt tác nghiệp khai thác; cải thiện sửa chữa thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất; công tác điều hành khai thác linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận; thay đổi phương thức gọi xe vận tải đường dài bằng hình thức phát thẻ.
- Đối với hàng Sắt phế liệu: Năng suất xếp dỡ bình quân giảm mạnh (29,4%) so với năm 2021 do chủ yếu là sắt phế từ nhà xưởng phá dỡ công kênh, 20% lượt tàu làm hàng tại bến 1 thiết bị hoạt động không ổn định.
- Đối với hàng dăm gỗ: Năng suất xếp dỡ bình quân năm 2022 cao hơn không đáng kể so với năm 2021 (0,5%) do các tàu đều sử dụng 3 máng băng tải, hàng hóa, phương tiện vận tải đầy đủ, xe lu lèn hàng trên hầm tàu được đầu tư bổ sung, hoạt động ổn định hơn so với trước đây.
- Đối với hàng viên gỗ nén: Năng suất xếp dỡ bình quân năm 2022 tăng (12,1%) so với cùng kỳ năm 2021 do sử dụng thùng con't làm hàng rời kết hợp ngoạm làm hàng, máng mở cao.

b) Đánh giá công tác kiểm soát tỷ lệ hao hụt hàng thức ăn chăn nuôi (TĂCN)

- Tỷ lệ hao hụt năm 2022 giảm so với năm 2021, trong đó chỉ tiêu Cân/Bill được đánh giá là chỉ tiêu quan trọng trong khai thác tàu TĂCN giảm 27% từ 0,279% xuống 0,205%.
- Nguyên nhân chủ yếu do: Triển khai có hiệu quả công tác giám sát an ninh hàng hóa đồng bộ; thường xuyên trao đổi thông tin với shipper, khách hàng về công tác giám định; điều chỉnh, bổ sung quy trình khai thác phù hợp với tình hình thực tế; tăng cường vai trò kiểm tra giám sát, phân công trực ca đêm cho các lãnh đạo đơn vị; tăng cường vai trò của bộ phận bảo vệ an ninh, giám sát các đơn vị bảo hiểm; định kỳ họp tổ chức đánh giá công tác an ninh hàng hóa và giám định sau mỗi chuyến tàu.

c) Đánh giá công tác quản lý lưu kho, bãi

- Sản lượng kết toán hàng hóa, lưu kho, bãi tăng so với năm 2021.

- Công tác đảm bảo an toàn lao động – phòng cháy chữa cháy – vệ sinh môi trường đặc biệt được quan tâm, trong năm không để xảy ra sự cố, tai nạn nào, đảm bảo an toàn về con người, cơ sở hạ tầng và hàng hóa.

- Công tác nhập, xuất, bảo quản hàng hóa lưu kho tốt. Hệ số chất xếp hàng hóa trong kho tăng từ 25-35% so với trước đây.

- Công tác quản lý cơ sở hạ tầng, thiết bị luôn đảm bảo, chủ động sẵn sàng đáp ứng nhanh chóng, kịp thời không để ảnh hưởng tới việc phục vụ sản xuất và công tác giải phóng tàu.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

3.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu kinh doanh cảng biển

- Khai thác tối đa lợi thế cảng nước sâu. Giữ vững vị thế là một trong những cảng biển đứng trong top đầu của khu vực, có quy mô lớn về thị phần các mặt hàng, doanh thu và tối đa hóa lợi nhuận.

- Đẩy mạnh hoạt động sales và marketing. Đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng, tạo sự gắn kết sâu sắc giữa khách hàng và Công ty nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tạo niềm tin cho khách hàng khi hợp tác với Công ty. Giải quyết các kiến nghị, thắc mắc của khách hàng ngay khi phát sinh trong thời gian sớm nhất.

- Kiểm soát chặt chẽ quy trình chứng từ thanh nhằm đảm bảo việc thanh toán của khách hàng luôn đúng hạn theo hợp đồng đã ký; kiểm soát công nợ, không để phát sinh nợ khó đòi, nợ xấu.

- Xây dựng chính sách kinh doanh linh hoạt, phù hợp với từng mặt hàng, khách hàng và thời điểm.

- Tham dự các Hội nghị do các Hiệp hội Cảng biển, các Hội nghị khách hàng, thông qua đó giới thiệu, quảng bá thương hiệu doanh nghiệp.

- Tham gia các chương trình thiện nguyện, hỗ trợ xã hội, cộng đồng... do khách hàng, đối tác tổ chức.

- Tài trợ giải bóng đá nam thi đấu thuộc hệ thống giải bóng đá chuyên nghiệp của Việt Nam (V-league).

b) Mục tiêu trong sản xuất

- Nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng về cầu bến, thiết bị xếp dỡ, kho bãi chứa hàng, an ninh an toàn hàng hóa.

- Tăng năng suất xếp dỡ bình quân các mặt hàng.

- Tiếp tục giảm tỷ lệ hao hụt hàng hóa TACN.

- Hiệu suất sử dụng cầu bến đạt > 85%, không có tàu bị phạt.

- Chuẩn hóa quy trình xếp dỡ các mặt hàng: Tăng năng suất, giảm chi phí...

- Hạn chế tối đa TNLD, không để xảy ra tai nạn nghiêm trọng chết người.

- Máy móc thiết bị đảm bảo hoạt động tốt > 80%.

c) Mục tiêu kỹ thuật, công nghệ

- Xây dựng định mức kỹ thuật.
- Công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị công cụ: Tất cả các thiết bị công cụ được đưa vào bảo dưỡng đúng định kỳ, đảm bảo thời gian, chất lượng đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất.
- Gia công, hoán cải công cụ, dụng cụ, lập phương án sử dụng cầu QC, Liebherr làm mặt hàng gỗ viên nén tàu Panamax.
- Tăng cường công tác hiện trường, công tác bảo dưỡng, sửa chữa vận hành thiết bị, áp dụng quyết liệt các chế tài để đưa ý thức người lao động vào nề nếp. Phân định trách nhiệm rõ ràng các sự cố hỏng hóc.
- Công tác sửa chữa lớn: Lập kế hoạch xây dựng dự toán đưa thiết bị sửa chữa đúng thời hạn. Tìm thêm nhiều nhà cung cấp dịch vụ. 90% thiết bị theo kế hoạch được sửa chữa lớn.
- Công tác đầu tư: Đảm bảo đúng tiến độ theo kế hoạch đầu tư được phê duyệt.
- Đầu tư thêm công cụ, dụng cụ làm hàng tổng hợp.
- Vật tư dự phòng đủ số chủng loại cho các thiết bị tuyến tiền phương và thiết bị đánh tẩy san gạt.
- Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý toàn cảng, lấy nền tảng và tích hợp các phần mềm của các phòng ban đơn vị chức năng.

d) Mục tiêu quản trị

- Rà soát, đánh giá các quy trình, quy định để điều chỉnh, bổ sung cho kịp thời với tình hình sản xuất kinh doanh. Đồng thời kiểm soát thật chặt chẽ và có chế tài thưởng phạt về tuân thủ các quy trình, quy định đã ban hành.
- Thường xuyên cập nhật, đánh giá tình hình thị trường ngắn và dài hạn để dự báo mức độ ảnh hưởng môi trường kinh doanh hiện tại và trong tương lai.
- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh tổng thể ngắn và dài hạn trong toàn Cảng và kế hoạch hành động cho các đơn vị phòng ban chuyên môn. Hàng tháng, quý, năm đánh giá kết quả thực hiện, đồng thời có chế tài thưởng phạt rõ ràng đối với tập thể và người đứng đầu.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm và chủ động lập kế hoạch công việc cho từng cá nhân, tập thể.
- Đẩy nhanh hoàn thành phần mềm quản lý điều hành khai thác cảng.
- Nâng cao ý thức, nhận thức chủ động xây dựng kế hoạch của đơn vị và bộ phận.
- Kiểm soát và điều hành trực tuyến qua Camera.
- Nâng cao chất lượng sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng thiết bị tiền phương, công cụ mang hàng.
- Đặt mục tiêu cụ thể cho từng tháng để giải quyết các vấn đề còn tồn tại đối với từng mặt hàng cụ thể, tạo thói quen cho các bộ phận trực tiếp cũng như phục vụ trong các tháng tiếp theo.
- Xây dựng quy trình, quy định phân quyền sử dụng phần mềm.
- Bố trí lãnh đạo trực chịu trách nhiệm ngoài giờ hành chính và các ngày nghỉ.

3.2. Các chỉ tiêu hoạt động SXKD

a) Cơ sở xây dựng chỉ tiêu kế hoạch

- Căn cứ vào mục tiêu ưu tiên của CQN về chiến lược phát triển mặt hàng, ngành hàng;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022;

- Căn cứ vào môi trường kinh doanh năm 2023 (Vĩ mô và địa phương ...Dự báo);
- Căn cứ vào tình hình và dự báo về khách hàng, thị trường và ngành hàng Cảng đang thực hiện;
- Căn cứ vào năng lực, khả năng và kế hoạch đầu tư của Cảng

b) Các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD năm 2023

TT	Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	So sánh	
					Tuyệt đối	%
					3=2-1	4=2/1
I	Chỉ tiêu SXKD					
A	Kinh doanh cảng biển					
1	Sản lượng hàng hóa thông qua	Tấn	9.279.961	9.400.000	120.039	101,29%
2	Sản lượng hàng hóa xếp dỡ	Tấn	9.491.631	9.600.000	108.369	101,14%
3	Doanh thu khai thác cảng biển	Tỷ đồng	526,07	530,00	3,9	100,75%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	119,01	120,35	1,34	101,13%
B	Kinh doanh thương mại					
1	Sản lượng	Tấn	21.333	30.000	8.667	140,63%
2	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	158,18	300,00	141,82	189,66%
II	Chỉ tiêu lao động					
1	Tổng số LĐBQ	Người	683	675	-8	98,83%
2	Thu nhập BQ lao động	Trđ/tháng	16,50	17	0,50	103,03%
III	Cổ tức					
1	Cổ tức	%	10	10	0	100,00%

c) Kế hoạch đầu tư

✦ Kế hoạch sửa chữa, đầu tư mua sắm thiết bị, công cụ năm 2023

TT	Tên dự án/hạng mục đầu tư	Số lượng hạng mục	Giá trị (đồng)
1	Kế hoạch đầu tư thiết bị, công cụ phục vụ sản xuất năm 2023	14	156.800.000.000
2	Kế hoạch sửa chữa lớn thiết bị, công cụ	26	6.930.000.000
3	Kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên	33	4.810.000.000
4	Kế hoạch vật tư dự phòng		
	Tổng		168.540.000.000

📌 Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023

TT	Tên dự án/hạng mục đầu tư	Giá trị (đồng)
1	Các hạng mục đang thực hiện dở dang trong năm 2022 chuyển tiếp sang năm 2023: 03 hạng mục	11.183.290.797
2	Các hạng mục bảo dưỡng sửa chữa định kỳ: 03 hạng mục	319.076.000
3	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa nhỏ (<=100 triệu đồng): 08 hạng mục	330.205.510
4	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa lớn (>100 triệu đồng): 04 hạng mục	1.092.199.424
5	Các dự án đầu tư mới theo yêu cầu của sản xuất: 06 hạng mục	29.366.530.030
6	Các hạng mục phát sinh nằm ngoài kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2023	1.200.000.000
Tổng		43.491.301.761

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2022, tình hình thế giới và khu vực biến động phức tạp, triển vọng kinh tế thế giới và khu vực càng trở nên khó khăn hơn khi xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine kéo dài; tình hình dịch bệnh phức tạp ở một số quốc gia, trong đó có nhiều nền kinh tế là đối tác thương mại của Việt Nam; lạm phát cao; giá dầu tăng mạnh; chính sách rezo covid của Trung Quốc... đã ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước và ảnh hưởng không nhỏ đến lượng hàng hóa xuất nhập khẩu thông qua Cảng Quảng Ninh. Cạnh tranh trong khu vực cảng Cái Lân và khu vực cảng Hải Phòng ngày càng gay gắt.

Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng Cảng Quảng Ninh đã thực hiện tốt công tác đổi mới, sắp xếp lại sản xuất, lao động do đó vẫn đạt được một số hiệu quả nhất định:

- + Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và tăng trưởng.
- + Thu nhập của người lao động có sự tăng trưởng so với năm 2021.
- + Trong năm đã tập trung vào công tác marketing, đạt được kết quả đáng kể trong việc đàm phán tăng thêm các tác nghiệp dịch vụ với khách hàng.
- + Kiểm soát tốt tỉ lệ hao hụt hàng hóa.
- + Công tác bảo dưỡng, sửa chữa, đầu tư được chú trọng, đã góp phần mang lại hiệu quả tốt trong công tác khai thác tàu, tăng năng suất giải phóng tàu, giảm thiểu tình trạng ùn tắc phương tiện vận chuyên.
- + Công tác thu hồi công nợ được quan tâm, đẩy mạnh kiểm soát và đạt được kết quả hết sức khả quan, nợ xấu giảm, cơ cấu tuổi nợ hợp lý hơn.
- + Công ty đã và đang tiếp tục chuẩn hóa chức năng, nhiệm vụ từng phòng ban, đơn vị, định biên nhân sự cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc thực hiện đề án tái cấu trúc tổ chức bộ máy và cải tạo nguồn nhân lực được kỳ vọng sẽ nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động quản

lý và điều hành, đẩy mạnh hiệu quả sản xuất, chuyên môn hóa và tối ưu hóa chức năng của các phòng ban, sắp xếp nhân sự hợp lý, phát hiện và đào tạo nguồn nhân lực.

+ Quy chế lương và các chính sách thưởng đã khuyến khích người lao động hăng say sản xuất, tăng năng suất lao động và đảm bảo công bằng cho cán bộ công nhân viên. Việc hoàn thành xây dựng quy chế và tiêu chí đánh giá, bình bầu thi đua và phát động phong trào thi đua SXKD đã góp phần nâng cao hiệu quả làm việc trong toàn Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

HĐQT nhận thấy Ban TGD Công ty đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.

Nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, ban hành các văn bản, tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban TGD và các quản lý cấp trung.

Ban TGD cũng đã tích cực, chủ động chỉ đạo và đồng hành cùng với bộ phận kinh doanh trong công tác tìm kiếm, chăm sóc khách hàng, giải quyết các kiến nghị của khách hàng và linh hoạt trong các thương vụ do đó đã có được các khách hàng trung thành cũng như có thêm các khách hàng mới đảm bảo cho Cảng phát triển ngày càng bền vững.

Tổng giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh doanh khai thác Cảng.

Tất cả các vấn đề phát sinh bất thường trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều được Tổng giám đốc báo cáo ngay cho HĐQT để nắm rõ diễn biến tình hình và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với vai trò là quản trị và định hướng chiến lược, HĐQT vẫn ưu tiên đồng thời hai việc là xây dựng và triển khai chiến lược phát triển với tầm nhìn xa, hiệu quả và bền vững, song song với kiểm soát, quản trị rủi ro, duy trì thành quả, bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư và các cổ đông.

HĐQT duy trì tổ chức các cuộc họp và thảo luận thường xuyên các vấn đề thuộc thẩm quyền và mang tính chiến lược đối với sự phát triển của CQN.

Tất cả các thành viên HĐQT đều phải tham gia tích cực vào hoạt động của HĐQT để nắm bắt, theo kịp các biến động của thị trường và hoạt động của công ty.

HĐQT chỉ đạo Ban TGD các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược của Đại hội đồng cổ đông giao phó, tuân thủ đúng quy định pháp luật, Điều lệ công ty. Tuân thủ và thực hiện tốt các nhiệm vụ chỉ đạo của HĐQT, Chủ tịch HĐQT một cách cẩn trọng và hiệu quả.

- Luôn theo sát diễn biến của thị trường nhằm điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp trong từng giai đoạn và mang tính chất lâu dài; đề ra định hướng kinh doanh với các giải pháp linh hoạt đem đến sự phát triển ổn định, bền vững. Tập trung chỉ đạo tạo động lực cho Công ty phát triển hoạt động kinh doanh.

- Không ngừng đổi mới, sáng tạo để xây dựng, định hướng công tác phát triển kinh doanh. Đồng thời tập trung mở rộng hệ thống, mạng lưới khách hàng, đa dạng ngành hàng để khai thác tối đa các tiềm năng của công ty.

- Chú trọng đẩy mạnh công tác đầu tư tài chính nhằm đảm bảo, sử dụng vốn an toàn, đạt hiệu quả.

- Nghiên cứu, đề xuất mở rộng phát triển thị trường trong nước và ngoài nước, kết hợp với quy hoạch phát triển Cảng trung hạn và dài hạn.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của Công ty. Không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực quản trị trong mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh; nâng cao năng lực quản lý tài chính, phát triển an toàn, bền vững.

- Chú trọng công tác đào tạo, đặc biệt chú trọng đào tạo về năng lực điều hành đối với cấp quản lý từ trưởng/phó phòng trở lên. Thường xuyên cập nhật, đào tạo nghiệp vụ đối với toàn bộ CBNV.

- Định kỳ đánh giá năng lực nhân sự để bố trí phù hợp với năng lực chuyên môn nhằm tăng hiệu quả, tiết giảm chi phí quản lý. Giao việc gắn với trách nhiệm của nhân sự, đầu việc và thời gian hoàn thành. Đẩy mạnh phong trào thi đua, sáng kiến tạo sự gắn bó, đoàn kết, và nâng cao năng suất lao động toàn công ty. Xây dựng nền tảng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh, tạo môi trường làm việc năng động, nhiệt huyết và gắn bó trong nội bộ Công ty cũng như thu hút nguồn nhân lực tiềm năng trên thị trường nhân sự góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

- Tiếp tục chuẩn hóa các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày theo hệ thống quy chế, quy trình đã ban hành đồng thời hoàn thiện các văn bản định chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp, chức năng nhiệm vụ còn thiếu.

- Chỉ đạo Ban TGD hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty.

- Chỉ đạo Ban TGD tập trung đầu tư trang thiết bị phục vụ làm hàng để nâng cao năng lực xếp dỡ của Cảng. Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: tiếp tục hoàn thành các thủ tục xin phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, triển khai xây dựng dự án đã được phê duyệt chủ trương để đảm bảo hiệu quả lâu dài và ổn định.

HDQT tiếp tục theo sát diễn biến của nền kinh tế trong nước và thế giới, chủ động phân tích, nắm bắt tình hình để có những nhận định đúng đắn từ đó kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp nhằm chỉ đạo Ban TGD tổ chức thực hiện nhiệm vụ tốt nhất.

HDQT cam kết hỗ trợ, tư vấn cho Ban TGD việc tìm kiếm, tiếp cận và khai thác các nguồn lực từ bên ngoài, từ các đối tác, khách hàng của doanh nghiệp để mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng khách hàng và phát triển sản phẩm.

V. QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị

HDQT công ty gồm 05 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông; có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Thành viên HDQT hiện tại bao gồm:

Ông Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Công Đoàn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phú Quân	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT

HĐQT theo phạm vi quyền và trách nhiệm quy định tại Điều lệ công ty đã họp định kỳ và bất thường hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả đạt được trong quý, xử lý tồn tại và đưa ra định hướng hoạt động trong quý tiếp theo. HĐQT thường xuyên bám sát hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết sách phù hợp và kịp thời.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, trong đó có ít nhất 01 thành viên có chuyên môn về kế toán tài chính. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban kiểm soát.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đỗ Quang Hưng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lương Thị Yên	Thành viên Ban kiểm soát

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật của Công ty trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, Ban TGD năm 2022 cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban TGD trong năm 2022;
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BTGD về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 đối với HĐQT và Ban TGD;
- Thực hiện các cuộc kiểm soát theo kế hoạch tại Công ty thông qua việc kiểm tra sổ, chứng từ kế toán, báo cáo và giải trình do đơn vị lập.
- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính hàng quý của Công ty trước khi công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với công bố thông tin của công ty đại chúng.
- Đã đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2022.
- Giám sát công tác kiểm toán và soát xét kết quả kiểm toán bán niên và cả năm 2022 do đơn vị kiểm toán độc lập phát hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

- Tổng số tiền thù lao năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua là 1.500.000.000 đồng
- Các thành viên Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được nhận lương, thưởng theo quy định của Điều lệ, quy chế tiền lương và các quy chế quản lý của công ty.
- Thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (VNĐ)
Ông Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch HĐQT	1.082.188.223
Ông Phạm Công Đoàn	Thành viên HĐQT	430.146.667
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT	683.986.000
Ông Nguyễn Phú Quân	Thành viên HĐQT	434.756.667
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	105.500.000

- Thu nhập của thành viên Ban kiểm soát:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (VNĐ)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng BKS	370.725.667
Ông Đỗ Quang Hưng	Thành viên BKS	411.328.889
Bà Lương Thị Yên	Thành viên BKS	207.419.662

- Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (VNĐ)
Ông Hoàng Trọng Tùng	Tổng giám đốc	2.147.826.503
Ông Đinh Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	1.517.632.556
Ông Quách Đình Phú	Phó Tổng giám đốc	1.562.780.068
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng giám đốc	1.165.629.312
Ông Nguyễn Tư Thịnh	Kế toán trưởng	1.123.791.294

4. Các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T	Công ty mẹ	71.169.435	94,8294	58.369.435	77,7741	Bán
2	Trần Thu Trang	Thư ký công ty	3.342	0,0045	0	0	Bán

5. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty CP Tập đoàn T&T	Tổ chức có liên quan	ĐKKD 0100233223, ngày cấp: 13/07/2021 nơi cấp Sở KHĐT HN	Số 2A, Phạm Sư Mạnh, Hà Nội	Từ 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022	03/2021/NQ-HĐQT ngày 26/1/2021	Tổng số tiền chuyển: 0 đồng chẵn. Tổng số tiền thu hồi: 170,27 tỷ đồng.	

6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đang triển khai thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Quyết định số 11/2022/QĐ-HĐQT ngày 01/06/2022 và các quy định khác của pháp luật về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 đã được công bố tại địa chỉ:

<http://www.quangninhport.com.vn>

TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG TRỌNG TÙNG